

Bản án số: 114/2021/HS-PT
Ngày: 03 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thám - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Phi, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 102/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thị Trúc M do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Nh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2021/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Thị Trúc M, sinh năm 1985 tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Số xx/x Trần Văn C, phường B, thành phố T, tỉnh Long An (địa chỉ cũ là số xxx/x Quốc lộ 1A, phường B, thành phố T, tỉnh Long An); Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Chồng Nguyễn Phú L, sinh năm 1974; Con: 03 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần, Vào ngày 22/3/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 05 năm 6 tháng tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức” (Bản án số 68/2012/HSPT), chấp hành án từ ngày 24/8/2018 đến nay; vào ngày 25/8/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 2588/2020/QĐ giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù 04 tháng.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Long Hòa - Bộ công an, thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh Th - Công ty Luật TNHH MTV Vĩnh Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1981. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp LH, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Người bị hại:

Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Trú tại: Số xxx, tổ T, khu B, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Nguyễn Minh Nh**, sinh năm 1981. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp LH, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang.

2. **Lê Tuấn D**, sinh năm: 1987. (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ B, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp S, xã N, xã T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, trong vụ án có 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản nên trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2014 đến ngày 31/12/2014, bị cáo Lê Thị Trúc M thực hiện hai vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị hại Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1976, ngụ số xxx tổ T, khu B, ấp C, xã T, thành phố M, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 12 năm 2014, bị cáo M đến gặp ông Q hỏi thuê xe ô tô biển số 51A - xxx.xx trong thời hạn 10 ngày với giá thuê 600.000 đồng/ngày. Khi thuê xe M nói với ông Q là thuê xe về để chạy dịch vụ, ông Q đồng ý nên M và ông Q làm hợp đồng thuê xe vào giữa tháng 12/2014 (do ông Q làm thất lạc hợp đồng thuê xe nên ông Q và M không nhớ chính xác ngày thuê xe), M thuê tài xế đến nhà ông Q điều khiển xe ô tô về tỉnh Long An. Sau khi M thuê xe được một ngày thì đến ngày hôm sau M đi cùng với Nguyễn Huy D1 đến tỉnh Tây Ninh với ý định bán xe ô tô trên nhưng không bán được. Sau đó, M đem xe ô tô biển số 51A - xxx.xx về Long An cầm cho ông Nguyễn Hữu Th1 với giá 60.000.000 đồng lấy tiền trả nợ cho D1.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

+ Một xe ô tô hiệu Lanos - LS Deawoo biển số 51A - xxx.xx; Một bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 51A - xxx.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2013 tên Trịnh Mỹ Th. Quá trình điều tra xác định xe ô tô biển số 51A - xxx.xx do bà Trịnh Mỹ Th, sinh năm 1974, ngụ số xxx NVL, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu đến năm 2014 vợ chồng bà Th, ông Lý Văn T1, sinh năm 1965 (ngụ cùng địa chỉ bà Th) đã bán xe trên cho ông Nguyễn Hoàng H1 với giá 160.000.000 đồng (có giấy bán xe kèm theo). Sau đó ông H1 bán lại xe ô tô trên cho ông Trần Văn Ch với giá 125.000.000 đồng. Đến ngày 21/10/2014 ông Trần Văn Ch bán cho ông Q với giá 107.000.000 đồng. Ông Q cho M thuê xe trên, sau khi M thuê xe từ ông Q thì M đem xe cầm cho ông Th1, đến ngày 22/3/2015

ông Th1 bán xe ô tô biển số 51A - xxx.xx cho Lê Tuấn D, sinh năm 1987, ngụ tổ B ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh với giá 97.000.000 đồng. Đến tháng 5/2017 D bán xe ô tô biển số 51A - xxx.xx cho Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1981, ngụ ấp LH, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang với giá 72.000.000 đồng. Đến ngày 24/11/2017, anh Nh đến Trung tâm đăng kiểm cơ giới thủy bộ Đồng Tháp kiểm định xe ô tô biển số 51A - xxx.xx thì được nhân viên kiểm định kiểm tra thông tin phát hiện xe ô tô biển số 51A - xxx.xx nằm trong danh sách cần cảnh báo nên đã thông báo cho Công an thành phố M đến thu giữ xe ô tô trên. Cơ quan điều tra đã trao trả xe trên cho bị hại Q.

+ Một bản chính giấy chứng nhận kiểm định xe, số phiếu kiểm định 70025-08898/17 do chi nhánh Công ty cổ phần đăng kiểm Tây Ninh kiểm định số 2 cấp ngày 22/5/2017; Một bản chính hợp đồng mua bán xe có 03 tờ 03 trang đánh máy ghi Lê Tuấn D bán xe cho Nguyễn Minh Nh; Một giấy bán xe bản photocopy ghi tên Nguyễn Hữu Th1 bán xe ô tô biển số 51A-xxx.xx cho Lê Tuấn D; 01 tờ giấy tập học sinh có nội dung là giấy mượn tiền của Lê Thị Trúc M, ngụ số xxx/x Trần Văn C, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An số tiền 85.000.000 đồng có chữ ký của M trên giấy mượn tiền ngày 29/12/2014 (chuyển kèm theo hồ sơ vụ án).

+ Một bản chính giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị Trúc M và một bản chính sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ là Lê Thị Trúc M; Một bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên Phan Hồng S.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 23/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Một xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO, số loại LANOS, biển số 51A - xxx.xx màu trắng, sản xuất năm 2002 trị giá 100.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thanh Q đã nhận lại xe ô tô biển số 51A-xxx.xx và một bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 51A-xxx.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2013 tên Trịnh M nên không có yêu cầu gì khác. Anh Nguyễn Minh Nh là người đã bỏ ra số tiền 72.000.000 đồng mua lại xe ô tô biển số 51A-xxx.xx và tiền sửa xe 48.000.000 đồng, anh Nh yêu cầu được nhận lại số tiền nêu trên.

Vụ thứ hai: Ngày 31/12/2014, M tiếp tục đến nhà ông Q hỏi thuê xe ô tô biển số 54T-xxxx trong thời hạn 60 ngày với giá 400.000 đồng/ngày, M nói cho ông Q biết thuê xe về để chở Thanh Long, sau khi làm hợp đồng thuê với ông Q, M thuê tài xế điều khiển xe ô tô trên về Long An sau đó cầm cho ông Lê Đăng X, sinh năm 1969, ngụ số 531A Quốc lộ 1A, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An với giá 40.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên M chỉ thừa nhận cầm xe với giá 10.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Một xe ô tô hiệu HYUNDAI, biển số 54T-xxxx. Qua tra cứu nguồn gốc xe xác định xe ô tô biển số 54T-xxxx do ông Phạm Văn M, ngụ số xxx, khu phố H, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe, nhưng quá trình xác minh ông M không có ở địa phương, nên không triệu tập lấy lời khai được. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1970, ngụ xxx L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh khai đã mua xe ô tô biển số 54T-xxxx qua nhiều người. Đến ngày 23/8/2014 bà Nhung bán xe cho ông Q với giá 69.000.000

đồng. Sau đó ông Q cho M thuê lại xe trên, sau khi M thuê xe từ ông Q thì M cầm xe ô tô biển số 54T-xxxx cho ông X. Đến hạn chuộc xe nhưng M không đến nên ông X bán xe ô tô biển số 54T-xxxx cho Lê Hoàng T2 với giá 38.000.000 đồng, T2 bán xe ô tô biển số 54T-xxxx cho một người nam không rõ họ tên địa chỉ cụ thể ở thành phố Hồ Chí Minh với giá 48.000.000 đồng. Sau đó T2 điện thoại cho người nam ở thành phố Hồ Chí Minh hỏi xe trên hiện đang ở đâu, người nam ở thành phố Hồ Chí Minh đã bán lại cho người khác với giá 70.000.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 23/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Một xe ô tô tải hiệu HYUNDAI biển số 54T-xxxx màu xanh, sản xuất năm 1999 trị giá 80.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2021/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Trúc M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Trúc M** 05(năm) năm tù, tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù tại bản án hình sự số 68/2012/HSPT ngày 22/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là **07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 584, 585, 589, 688 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận bị cáo Lê Thị Trúc M bồi thường cho anh Nguyễn Thanh Q số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bị cáo Lê Thị Trúc M bồi thường cho anh Nguyễn Minh Nh số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 28 tháng 5 năm 2021, bị cáo Lê Thị Trúc M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 07 tháng 6 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Nh có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm buộc anh Lê Tuấn D phải bồi thường cho anh Nh số tiền 72.000.000 đồng

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Thị Trúc M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M đã nêu. Đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ

mới là bồi thường thiệt hại cho anh Q đã xong, lúc phạm tội bị cáo đang mang thai để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Nh rút kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc anh Lê Tuấn D phải bồi thường cho anh số tiền 72.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Đơn kháng cáo của bị cáo và của anh Nguyễn Minh Nh còn trong thời hạn nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

+ Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh Nh rút yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị áp dụng Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nh.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thị Trúc M: Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Về mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 5 năm tù, tại cấp phúc thẩm bị cáo bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phạm tội nhiều lần, tái phạm nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Do đó đề nghị giữ y án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo gồm: bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; khi phạm tội là phụ nữ đang có thai; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo nên cần xem xét cho bị cáo cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh Nh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có kháng cáo đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào dụng điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nh.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Trúc M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản nên trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2014 đến ngày 31/12/2014, bị cáo Lê Thị Trúc M thực hiện hai vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị hại Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1976, ngụ số xxx tổ T, khu B, ấp C, xã T, thành phố M, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 12 năm 2014, bị cáo M đến gặp ông Q hỏi thuê xe ô tô biển số 51A - xxx.xx trong thời hạn 10 ngày với giá thuê 600.000

đồng/ngày. Khi thuê xe M nói với ông Q là thuê xe về để chạy dịch vụ, ông Q đồng ý nên M và ông Q làm hợp đồng thuê xe vào giữa tháng 12/2014 (do ông Q làm thất lạc hợp đồng thuê xe nên ông Q và M không nhớ chính xác ngày thuê xe), M thuê tài xế đến nhà ông Q điều khiển xe ô tô về tỉnh Long An. Sau khi M thuê xe được một ngày thì đến ngày hôm sau M đi cùng với Nguyễn Huy D1 đến tỉnh Tây Ninh với ý định bán xe ô tô trên nhưng không bán được. Sau đó, M đem xe ô tô biển số 51A - xxx.xx về Long An cầm cho ông Nguyễn Hữu Th1 với giá 60.000.000 đồng lấy tiền trả nợ cho D1. Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 23/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Một xe ô tô con nhãn hiệu DAEWOO, số loại LANOS, biển số 51A - xxx.xx màu trắng, sản xuất năm 2002 trị giá 100.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 31/12/2014, M tiếp tục đến nhà ông Q hỏi thuê xe ô tô biển số 54T-xxxx trong thời hạn 60 ngày với giá 400.000 đồng/ngày, M nói cho ông Q biết thuê xe về để chở Thanh Long, sau khi làm hợp đồng thuê với ông Q, M thuê tài xế điều khiển xe ô tô trên về Long An sau đó cầm cho ông Lê Đăng X, sinh năm 1969, ngụ số xxxA Quốc lộ 1A, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An với giá 40.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên M chỉ thừa nhận cầm xe với giá 10.000.000 đồng. Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 23/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Một xe ô tô tải hiệu HYUNDAI biển số 54T-xxxx màu xanh, sản xuất năm 1999 trị giá 80.000.000 đồng.

Do đó cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều biết việc lừa dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam, muốn có tiền để tiêu xài không phải bỏ công lao động bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đặc biệt, bị cáo thực hiện tội phạm trong thời gian được hoãn thi hành án cũng về tội chiếm đoạt tài sản, điều này thể hiện bị cáo xem thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thị Trúc M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Cấp sơ thẩm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt cho bị cáo là 5 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ mới là bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là anh Q, anh Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với thời gian 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù tại bản án hình sự số 68/2012/HSPT ngày 22/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị cáo chưa chấp hành nên cần tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo chấp hành hành phạt chung là phù hợp.

[5]. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Xét lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có xem xét khi nghị án.

[7]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Anh Nguyễn Minh Nh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348, điểm b, đ khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh Nh về phân trách nhiệm dân sự yêu cầu buộc anh Lê Tuấn D phải bồi thường cho anh số tiền 72.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thị Trúc M về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm 45/2021/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Trúc M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Trúc M** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù tại bản án hình sự số 68/2012/HSPT ngày 22/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là **06 (sáu) năm 10 (mười) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 584, 585, 589, 688 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị Trúc M bồi thường cho anh Nguyễn Minh Nh số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Trúc M, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004277 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M xem như anh đã thi hành xong phần án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Nhà tạm giữ Công an Tp M;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thanh Bình